

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về kỹ thuật. Tiêu chuẩn đánh giá tổng quát về kỹ thuật như sau:

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------|---|--|---------------------------------|
| | | Đạt | Không đạt |
| I | Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất | | |
| 1 | Tên hàng hoá, nguồn gốc xuất xứ, model, năm sản xuất... | Nêu rõ tên hàng hoá, nguồn gốc xuất xứ, model, năm sản xuất... | Không đáp ứng nội dung yêu cầu. |
| 2 | Đặc tính, quy cách và thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất | <ul style="list-style-type: none"> - Có bảng mô tả đặc tính, quy cách và thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật. Trong đó phải chỉ rõ tham chiếu đáp ứng các tính năng kỹ thuật tới các tài liệu kỹ thuật, catalogue của hãng sản xuất đối với hàng hóa chào thầu đi kèm E-HSMT - Có cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) và bộ hồ sơ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu. - Đối với hàng hóa sản xuất trong nước có cam kết cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa và giấy chứng nhận xuất xưởng - Các hàng hóa chào thầu phải đáp ứng tất cả các thông số kỹ thuật được nêu tại Chương V– E-HSMT. | Không đáp ứng nội dung yêu cầu. |

| | | | |
|-----------|---|---|---|
| | | - Cam kết khi phát hiện hàng hóa không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản và nhà thầu đổi hàng hóa trong vòng 4 giờ. | |
| II | Phạm vi cung cấp; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; Các yếu tố khác | | |
| 1 | <p>Chủng loại hàng hóa phải đồng bộ, nhãn mác rõ ràng</p> <p>- Hàng hóa được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây</p> <p>- Hàng mới 100%.</p> | <p>Có chủng loại hàng hóa đồng bộ, nhãn mác rõ ràng</p> <p>- Hàng hóa được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây</p> <p>- Hàng mới 100%.</p> | Không đáp ứng yêu cầu. |
| 2 | Thời gian bảo hành | Nhà thầu có cam kết cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì trong thời gian tối thiểu 12 tháng nhưng không ít hơn thời gian bảo hành của nhà sản xuất. | Không có cam kết cung cấp dịch vụ bảo hành hoặc thời gian bảo hành dưới 12 tháng sử dụng. |
| 3 | Chất lượng trong thời gian bảo hành, bảo trì | - Cam kết có biện pháp tiếp nhận xác định lỗi, khắc phục các hư hỏng, sai sót trong thời gian tối đa ≤ 04 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư qua email hoặc đường văn thư, nhà thầu phải có hướng xử lý, giải quyết sự cố, chậm nhất 24 giờ nhà thầu phải khắc phục sự cố hoặc tối đa 72 giờ phải có thiết bị thay thế tương đương cho chủ đầu tư sử dụng. Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc | Không đáp ứng yêu cầu. |

| | | | |
|------------|--|--|---|
| | | <p>bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí do nhà thầu chi trả.</p> <p>- Cam kết các chi phí khắc phục các hư hỏng, khuyết tật là nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục.</p> | |
| 4 | Có tài liệu hướng dẫn sử dụng (Catalog có hình ảnh, có dịch thuật bằng tiếng Việt) | Có tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt hoặc bản dịch thuật. | Không có tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt hoặc bản dịch thuật. |
| 5 | Thích ứng về mặt địa lý, môi trường | Có cam kết các vật tư, thiết bị phải thích ứng với khí hậu, môi trường Việt Nam đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Không có cam kết các vật tư, thiết bị phải thích ứng với khí hậu, môi trường Việt Nam đáp ứng yêu cầu của HSMT. |
| 6 | Thuyết minh biện pháp cung cấp, đóng gói, chuyên chở, bàn giao hàng hoá | Có thuyết minh biện pháp cung cấp, đóng gói, chuyên chở, bàn giao hàng hoá | Không có thuyết minh biện pháp cung cấp, đóng gói, chuyên chở, bàn giao hàng hoá |
| 7 | Thời gian thực hiện hợp đồng | ≤ 90 ngày | > 90 ngày |
| III | Uy tín của nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng | | |
| | Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 | - Có cam kết của đại diện theo pháp luật của nhà thầu về việc nhà thầu không có hợp đồng nào bị vi phạm hợp đồng; Không có hợp đồng nào bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu; | Không đáp ứng yêu cầu trên. |

| | | | |
|------------------|--|--|---|
| | của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | | |
| IV | Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện | | |
| | Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện | Có nêu điều kiện thương mại, thời gian thực hiện hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. | Không nêu điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo và chuyển giao công nghệ không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. |
| KẾT LUẬN: | | Đạt | Không đạt |
| | | Tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là “Đạt” | “Không đạt” một trong các nội dung nào nêu trên |

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.